

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 23/8/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC11508	Lê Hoài	Anh	01/01/2014	Tiền Giang	10,0	3,0	8,0	9,0	6,67	Không đạt	
2	BKNC11509	Lê Quỳnh	Anh	04/11/2011	Tiền Giang	10,0	6,0	7,0	7,0	6,67	Đạt	
3	BKNC11510	Lê Thị Hồng	Anh	02/10/2003	Bắc Giang	7,67	9,5	10,0	8,0	9,17	Đạt	
4	BKNC11511	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2005	Khánh Hòa	9,0	7,0	9,5	7,0	7,83	Đạt	
5	BKNC11512	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/07/2006	Hà Tĩnh	6,67	7,0	9,0	8,0	8,0	Đạt	
6	BKNC11513	Nguyễn Trần Văn	Anh	12/01/2004	Thành phố Đồng Nai	6,67	7,0	7,0	7,0	7,0	Đạt	
7	BKNC11514	Nguyễn Thị Lệ	Bình	30/04/2004	Bình Định							Vắng
8	BKNC11515	Tăng Thành	Đạt	15/02/2005	Cà Mau	9,0	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
9	BKNC11516	Thị	Diễm	30/04/2005	Bình Phước	9,0	7,0	7,0	8,0	7,33	Đạt	
10	BKNC11517	Nguyễn Thanh	Duy	04/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,0	9,0	7,0	7,67	Đạt	
11	BKNC11518	Lê Kim	Duyên	23/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	3,0	8,0	8,0	6,33	Không đạt	
12	BKNC11519	Nguyễn Lý Mỹ	Duyên	07/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	10,0	9,5	9,5	Đạt	
13	BKNC11520	Phạm Thu	Hiền	03/08/2011	Tiền Giang	10,0	6,0	5,0	5,0	5,33	Đạt	
14	BKNC11521	Huỳnh Văn	Hồ	06/03/2001	An Giang	8,33	1,0	3,0	0,0	1,33	Không đạt	
15	BKNC11522	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	10/08/2005	Nghệ An	9,67	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
16	BKNC11523	Hà Anh	Khoa	11/08/2005	Tây Ninh	9,33	8,0	9,0	6,0	7,67	Đạt	
17	BKNC11524	Phan Cao	Khôi	26/09/2005	Quảng Bình	5,67	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
18	BKNC11525	Trần Thị	Liên	02/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,0	9,0	9,0	8,33	Đạt	
19	BKNC11526	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/04/2005	Kiên Giang	9,67	9,5	9,5	9,5	9,5	Đạt	
20	BKNC11527	Ngô Thị Trà	My	25/05/2002	Tây Ninh	5,67	3,0	5,0	2,0	3,33	Không đạt	
21	BKNC11528	Huỳnh Thị Kiều	Nga	10/09/2005	An Giang	10,0	8,5	9,0	8,0	8,5	Đạt	
22	BKNC11529	Nguyễn Thị	Ngà	25/08/2005	Lâm Đồng	9,33	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
23	BKNC11530	Nguyễn Thị Thu	Ngân	24/06/2006	Cà Mau	9,67	9,0	8,0	7,0	8,0	Đạt	
24	BKNC11531	Phan Nguyệt	Nhàn	18/11/2004	An Giang	5,67	9,0	6,0	8,0	7,67	Đạt	
25	BKNC11532	Nguyễn Tổ	Nhi	07/12/2006	An Giang	9,67	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
26	BKNC11533	Huỳnh Thị Thu	Như	17/03/2006	Tây Ninh	9,33	8,0	9,0	9,0	8,67	Đạt	
27	BKNC11534	Phan Ngọc Huỳnh	Như	23/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	8,0	8,0	8,0	Đạt	
28	BKNC11535	Lê Thị Tuyết	Nhung	12/11/2005	Đắk Lắk	8,67	7,0	9,0	8,0	8,0	Đạt	
29	BKNC11536	Phạm Thụy Huyền	Nhung	22/07/2004	Thành phố Đồng Nai	6,0	8,0	9,0	7,0	8,0	Đạt	
30	BKNC11537	Trương Hoàng	Phước	26/11/2005	Tây Ninh	8,33	6,0	9,0	8,5	7,83	Đạt	
31	BKNC11538	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	21/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	9,0	9,5	9,17	Đạt	
32	BKNC11539	Nguyễn Thu	Quyền	22/10/2006	An Giang	9,67	9,5	9,5	9,5	9,5	Đạt	
33	BKNC11540	Nguyễn Thị Na	Rin	20/05/1993	Tiền Giang	8,0	8,0	9,0	9,0	8,67	Đạt	
34	BKNC11541	Nguyễn Thị Hồng	Sa	21/02/2006	Đắk Lắk	8,0	8,0	8,0	7,0	7,67	Đạt	

